CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 173/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ.

3. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế, cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về cơ quan của Việt Nam ở nước ngoài và quy định tại Nghị định này.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này để ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm mục tiêu thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, có nhiều kinh nghiệm, chất xám nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; hiệu quả, tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí.

2. Việc ký hợp đồng thực hiện linh hoạt theo từng dự án, nhiệm vụ hoặc theo chương trình công tác hằng năm trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có và khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Bảo đảm thực hiện đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không trái với các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị; tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Việc ký hợp đồng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, không phải thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh lãnh đạo quản lý; người ký kết hợp đồng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí lãnh đạo, quản lý tương ứng.

5. Kinh phí thực hiện ký hợp đồng do ngân sách nhà nước bảo đảm, nằm ngoài quỹ lương và ngoài kinh phí khoán chi hành chính của các tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Các công việc được thực hiện thông qua ký hợp đồng

1. Công việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý mang tính chất chiến lược, đột xuất, cấp bách, không thường xuyên:

a) Tổ chức xây dựng chính sách, hoạch định chính sách, chiến lược, chương trình, đề án khoa học, kinh tế, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số, phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số quốc gia, cải cách thể chế;

b) Tổ chức triển khai hoặc giám sát thực hiện các chương trình, đề án thí điểm về công nghệ, chính sách đột phá; mô hình thử nghiệm công nghệ mới, hợp tác công tư trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ và cải cách thể chế;

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp địa phương về thực thi pháp luật, phát triển hệ thống dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu mới, năng lượng mới và các ngành công nghiệp chiến lược khác;

d) Các nội dung khác theo quyết định của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý, bảo đảm đúng nguyên tắc thực hiện quy định tại Điều 3 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

2. Công việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ có tính chất đặc thù, chuyên sâu, yêu cầu trình độ cao hoặc mang tính thời vụ, không thường xuyên, gồm:

a) Ứng dụng thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng dữ liệu lớn, hệ thống phân tích dữ liệu, mô hình dự báo, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực quản trị công, kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Phát triển, vận hành, giám sát các nền tảng số quốc gia, hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực hành chính, giáo dục, y tế, tài nguyên - môi trường, đô thị thông minh;

c) Triển khai nhiệm vụ thuộc đề án, chương trình cải cách thể chế, nâng cao năng lực hoạch định chính sách công, chính sách đổi mới sáng tạo, thử nghiệm chính sách, kiểm thử hệ thống, bảo mật hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước;

d) Các nội dung khác theo quyết định của người có thẩm quyền ký kết hợp đồng quy định tại Điều 8 Nghị định này, bảo đảm đúng nguyên tắc thực hiện quy định tại Điều 3 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

3. Công việc chuyên môn, nghiệp vụ hoặc hỗ trợ phục vụ mà nguồn nhân lực hiện có chưa đáp ứng được, nhằm phục vụ nội bộ cho hoạt động cơ quan, tổ chức, đơn vị do người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức quyết định theo yêu cầu thực hiện kế hoạch công tác.

Điều 5. Đối tượng ký kết hợp đồng

1. Đối với các công việc quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này:

a) Nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ;

b) Luật gia, luật sư, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ.

2. Đối với các công việc quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người có kinh nghiệm, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ và đã từng triển khai trực tiếp các nhiệm vụ cụ thể có tính chất tương tự;

c) Người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có kinh nghiệm đáp ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Ký kết hợp đồng dịch vụ với pháp nhân hoặc cá nhân thực hiện công việc quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này thực hiện theo quyết định của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý.

4. Người ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không tính trong biên chế được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Hình thức hợp đồng, loại hợp đồng và thời hạn ký kết

1. Các công việc quy định tại Điều 4 Nghị định này được ký kết hợp đồng bằng văn bản; trường hợp ký kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử thì có giá trị như hợp đồng bằng văn bản.

2. Các loại hợp đồng được ký kết đối với từng loại công việc thực hiện như sau:

a) Đối với công việc quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này: Thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này;

b) Đối với công việc quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này: Thực hiện ký kết hợp đồng lao động đối với cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

c) Đối với công việc quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này: Thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ để thực hiện những công việc mang tính chất hành chính

hoặc công việc không liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước mà nguồn nhân lực hiện có chưa đáp ứng được;

Căn cứ vào tính chất công việc và đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cấp có thẩm quyền quyết định ký hợp đồng lựa chọn ký kết hợp đồng dịch vụ với pháp nhân hoặc cá nhân để thực hiện công việc;

d) Hợp đồng dịch vụ áp dụng theo quy định của pháp luật về dân sự; hợp đồng lao động áp dụng theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Việc xác định thời hạn ký kết hợp đồng được thực hiện như sau:

a) Thời hạn ký kết hợp đồng phải căn cứ vào nhiệm vụ, gồm: tính chất nhiệm vụ (đột xuất, kế hoạch hằng năm, dài hạn hoặc ngắn hạn); nhu cầu sử dụng nhân lực; điều kiện kinh phí thực hiện nhiệm vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ;

b) Thời hạn ký kết hợp đồng dịch vụ được xác định theo công việc và thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, được xác định rõ trong hợp đồng. Thời hạn hợp đồng do người có thẩm quyền ký hợp đồng quyết định bảo đảm đúng nguyên tắc thực hiện quy định tại Điều 3 Nghị định này;

c) Thời hạn ký kết hợp đồng lao động không quá 24 tháng;

d) Không ký kết hợp đồng không xác định thời hạn đối với các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này.

4. Mẫu hợp đồng ký kết thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Điều 7. Các trường hợp không ký kết hợp đồng

1. Không ký hợp đồng đối với các đối tượng sau đây:

a) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức hoặc đang công tác trong lực lượng vũ trang, người làm công tác cơ yếu;

b) Người đang trong thời gian bị cấm hành nghề, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Người có quan hệ là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh,

chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột với người có thẩm quyền ký hợp đồng.

2. Không ký kết hợp đồng để thực hiện các loại công việc sau đây:

a) Công việc quản lý nhà nước mang tính chất thường xuyên, liên tục;

b) Công việc không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Công việc mà việc thực hiện hợp đồng có thể làm phát sinh xung đột lợi ích, ảnh hưởng đến tính khách quan, minh bạch, liêm chính trong hoạt động công vụ;

d) Công việc ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh chính trị nội bộ, phòng chống khủng bố, phản gián, bảo vệ bí mật nhà nước, các nhiệm vụ có vị trí trọng yếu cơ mật. Trường hợp thật cần thiết phải ký hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ thì phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trước khi tổ chức thực hiện việc ký hợp đồng.

Điều 8. Thẩm quyền ký kết hợp đồng

1. Đối với ký kết hợp đồng thực hiện công việc quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định này: Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định ký kết hợp đồng hoặc phân cấp, ủy quyền việc ký kết hợp đồng cho người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức được giao biên chế, kinh phí hoạt động, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Đối với ký kết hợp đồng thực hiện công việc quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này: Người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức được giao biên chế, kinh phí hoạt động, có con dấu và tài khoản riêng quyết định ký kết hợp đồng sau khi báo cáo và được chấp thuận chủ trương của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức.

Chương II
KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện của các bên ký kết hợp đồng

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng:

a) Có nhu cầu thực hiện nhiệm vụ đột xuất, cấp bách hoặc theo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao để thực hiện công việc trong một thời gian nhất định;

b) Có thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với cá nhân được ký kết hợp đồng:

a) Có chuyên môn phù hợp với công việc cần ký hợp đồng; có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để làm việc; tâm huyết với công việc; có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn; đủ điều kiện được ký hợp đồng, tham gia công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật;

b) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người bị mất năng lực hành vi, hạn chế năng lực hành vi hành chính, không trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc liên quan đến công việc ký kết hợp đồng;

c) Đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng (nếu có).

3. Đối với tổ chức, đơn vị (pháp nhân) cung cấp dịch vụ

a) Có đầy đủ tư cách pháp lý, năng lực chuyên môn, nhân sự và điều kiện cần thiết theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị và yêu cầu của hợp đồng;

b) Đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của lĩnh vực hoạt động;

c) Bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện của người lao động quy định của pháp luật chuyên ngành và theo thỏa thuận trong hợp đồng;

d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thỏa thuận.

Điều 10. Quyền, nghĩa vụ của các bên ký hợp đồng

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng:

a) Xây dựng kế hoạch ký hợp đồng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và khả năng nguồn lực, trong đó xác định rõ ngành, lĩnh vực, đối tượng, nội dung công việc,

kết quả sản phẩm, thời gian thực hiện, nguồn kinh phí, dự toán kinh phí, phương thức chi trả và các điều kiện cần thiết khác (nếu có);

b) Quyết định nội dung, yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn kết quả đầu ra của hợp đồng và tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra thực hiện;

c) Được sở hữu, quản lý, khai thác và sử dụng kết quả, sản phẩm tạo ra từ hợp đồng theo quy định của pháp luật và các nội dung đã thỏa thuận;

d) Có quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức ký hợp đồng cung cấp báo cáo tiến độ, giải trình kết quả công việc trong quá trình thực hiện. Thường xuyên theo dõi, đánh giá về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệm vụ của người hoặc tổ chức ký hợp đồng;

đ) Công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có) đối tượng ký kết hợp đồng, công việc thỏa thuận trong hợp đồng, sản phẩm, kết quả theo thỏa thuận, thời hạn thực hiện hợp đồng và các nội dung khác theo quyết định của người có thẩm quyền ký kết hợp đồng;

e) Bảo đảm đầy đủ kinh phí thực hiện hợp đồng từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn hợp pháp khác; thực hiện dự toán, thanh toán, quyết toán và kiểm soát chi theo quy định của pháp luật hiện hành;

g) Bảo đảm thông tin, tài liệu cung cấp cho cá nhân, tổ chức ký hợp đồng phục vụ nhiệm vụ được bảo mật và sử dụng đúng mục đích;

h) Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên thực hiện hợp đồng không bảo đảm chất lượng, tiến độ, vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc vi phạm quy định pháp luật;

i) Yêu cầu bên ký hợp đồng bồi thường thiệt hại trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ hợp đồng gây hậu quả về tài chính, tổn thất sản phẩm, tài sản hoặc lộ lọt thông tin, tài liệu mật;

k) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện việc ký hợp đồng theo đúng quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan.

2. Đối với cá nhân ký hợp đồng:

a) Thực hiện đầy đủ, đúng hạn, bảo đảm chất lượng các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng và yêu cầu khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng (nếu có); chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, tổ chức, đơn vị về kết quả thực hiện;

b) Chỉ được sử dụng thông tin, tài liệu, trang thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị phục vụ nhiệm vụ được giao; nghiêm cấm sử dụng sai mục đích, để lộ, làm mất, sao chép hoặc chuyển giao trái phép tài liệu mật, tài sản hoặc sản phẩm được giao;

c) Được bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ (năng lực chuyên môn, nhân lực hỗ trợ, công cụ, phương tiện cần thiết...) theo đúng nội dung hợp đồng và yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Được thanh toán tiền lương, tiền thưởng, thù lao, chế độ thuê khoán tương ứng với kết quả, sản phẩm theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của pháp luật;

đ) Được bảo đảm điều kiện làm việc theo quy định của pháp luật, theo quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị và theo thỏa thuận trong hợp đồng; được tiếp cận tài liệu chuyên môn, thông tin cần thiết phục vụ công việc theo quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

e) Thời gian làm việc theo hợp đồng lao động làm một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại Nghị định này được tính làm căn cứ xếp lương theo vị trí việc làm nếu được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức. Việc xếp lương tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận thực hiện theo quy định của pháp luật;

g) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu vi phạm nghĩa vụ hợp đồng gây tổn thất về tài chính, làm thất thoát tài sản, hư hại sản phẩm hoặc làm lộ thông tin, tài liệu mật;

h) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, nội quy, quy chế, quy định chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Đối với tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ:

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ nội dung, khối lượng, chất lượng, tiến độ công việc theo hợp đồng đã ký kết;

b) Chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động thuộc tổ chức, đơn vị mình, tuân thủ các quy định về an toàn, an ninh, bảo mật trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng;

c) Cam kết bảo mật tuyệt đối các thông tin, tài liệu, dữ liệu, sản phẩm được giao hoặc tạo ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, không được sử dụng sai mục đích, chuyển giao trái phép;

d) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng trong trường hợp không bảo đảm chất lượng, làm chậm tiến độ, vi phạm nghĩa vụ bảo mật hoặc gây thiệt hại tài chính theo hợp đồng.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn hợp đồng mà các bên không tiếp tục gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới;

b) Hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng (có biên bản đánh giá chất lượng sản phẩm hoặc nghiệm thu sản phẩm);

c) Theo thỏa thuận giữa các bên;

d) Một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật;

đ) Cá nhân ký hợp đồng không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

e) Cơ quan, tổ chức, đơn vị bị giải thể, sáp nhập, chia tách hoặc thay đổi tổ chức dẫn đến không còn nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực theo hợp đồng;

g) Do thay đổi về cơ chế, chính sách hoặc yêu cầu nhiệm vụ mà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ khi chấm dứt hợp đồng

a) Người ký hợp đồng có trách nhiệm bảo đảm không tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật công tác và các thông tin thuộc phạm vi bảo mật đã tiếp cận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kể cả sau khi hợp đồng chấm dứt;

b) Các sản phẩm, kết quả nghiên cứu, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, tài liệu chuyên môn và tài sản trí tuệ khác do bên ký hợp đồng thực hiện trong thời gian ký hợp đồng thuộc quyền sở hữu của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên ký hợp đồng đối với sản phẩm, công trình khoa học, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, nếu các quyền này được xác lập theo thỏa thuận trong hợp đồng hoặc quy định pháp luật có liên quan;

d) Các bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản còn nợ, quyết toán tài chính (nếu có), hoàn trả tài sản, hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định;

đ) Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng không đúng quy định thì phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Thủ tục chấm dứt hợp đồng

Việc chấm dứt hợp đồng phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, thời điểm chấm dứt và trách nhiệm của mỗi bên sau khi hợp đồng chấm dứt.

Điều 12. Quy trình thực hiện ký kết hợp đồng

Sau khi có quyết định chủ trương về việc cho phép ký kết hợp đồng, người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức tiến hành các bước sau đây:

1. Thông báo mời ký kết hợp đồng bằng một trong các hình thức sau:

a) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có);

b) Gửi trực tiếp văn bản mời ký kết hợp đồng tới cá nhân, tổ chức đã được lựa chọn;

c) Thông báo mời ký kết hợp đồng phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Thông tin về nhiệm vụ cần thực hiện và loại hợp đồng;

Điều kiện, tiêu chuẩn của đối tượng được ký hợp đồng;

Thời gian, địa điểm ký kết hợp đồng;

Hạn nộp hồ sơ, thông tin liên hệ để hướng dẫn, giải đáp và tiếp nhận hồ sơ (nếu có);

Các nội dung khác có liên quan theo quyết định của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức.

2. Tổng hợp danh sách cá nhân, tổ chức đăng ký (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

3. Báo cáo cấp có thẩm quyền ký kết hợp đồng quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng đáp ứng yêu cầu thì thành lập Hội đồng tư vấn để tư vấn việc lựa chọn trước khi quyết định ký hợp đồng. Thành phần Hội đồng tư vấn, phương thức hoạt động theo quyết định của cấp có thẩm quyền ký kết hợp đồng.

4. Thực hiện ký kết hợp đồng.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng do ngân sách nhà nước bố trí tối đa bằng 10% tổng quỹ tiền lương (bao gồm lương và các khoản phụ cấp lương) và tiền thưởng của cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này và được dự toán trong ngân sách hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này được huy động nguồn lực theo quy định của pháp luật để bổ sung kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Trách nhiệm thực hiện

1. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Chỉ đạo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý căn cứ nhu cầu sử dụng nhân lực theo vị trí việc làm đề xuất một hoặc một số nhiệm vụ

của vị trí việc làm cần thực hiện việc ký hợp đồng, số lượng, đối tượng ký hợp đồng theo quy định tại Nghị định này; lập dự toán kinh phí thực hiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách khác hoặc huy động các nguồn lực hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật để thực hiện các chính sách ưu đãi đối với người ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức;

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo về việc ký hợp đồng theo quy định của Nghị định này gửi Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc bố trí nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí và các nội dung khác liên quan đến tài chính thực hiện ký kết hợp đồng quy định của Nghị định này.

3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị định này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình